

Các thành phần kinh tế: Nhận thức lý luận và thực tiễn Việt Nam

PGS.TS. Phạm Văn Dũng*

*Khoa Kinh tế Chính trị, Trường Đại học Kinh tế,
Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 18 tháng 11 năm 2010

Tóm tắt. Bài viết bàn về vấn đề đa dạng hóa sở hữu, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần chính là sự vận dụng sáng tạo tư tưởng của Lênin về nền kinh tế thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội vào điều kiện cụ thể của Việt Nam và trở thành nội dung quan trọng của quan điểm Đổi Mới kinh tế ở nước ta. Điều đó đã góp phần quan trọng vào những thành tựu kinh tế - xã hội của đất nước ta trong những năm qua. Tác giả đưa ra một số nhận xét về quá trình hình thành, phát triển quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về sở hữu và thành phần kinh tế; về triển khai thực hiện các quan điểm đó. Đồng thời, đưa ra một số kiến nghị, đó là: xây dựng chế độ sở hữu công cộng trong điều kiện Việt Nam hiện nay; quản lý các doanh nghiệp nhà nước; sắp xếp, phân chia các thành phần kinh tế; xây dựng nhà nước phù hợp với đòi hỏi của nền kinh tế nhiều thành phần...

1. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về sở hữu và các thành phần kinh tế

Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam (Đảng CSVN) về sở hữu và các thành phần kinh tế là cơ sở lý luận và nội dung quan trọng của đổi mới kinh tế ở nước ta. Nhìn chung, những quan điểm Đảng đưa ra ngày càng phù hợp hơn với thực tế, góp phần quan trọng vào những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ta trong những năm qua.

Sự hình thành, phát triển quan điểm của Đảng CSVN về sở hữu và các thành phần kinh tế được thể hiện thông qua Văn kiện tại các kỳ Đại hội Đảng toàn quốc trong thời kỳ Đổi Mới.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986).
Xuất phát từ tư tưởng của Lênin về nền kinh tế

nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội (CNXH), Đảng CSVN đã phê phán những tư tưởng nóng vội trong cải tạo Xã hội chủ nghĩa (XHCN). Bên cạnh việc xây dựng những cơ sở kinh tế mới cho CNXH, cần phải coi trọng cải tạo và sử dụng các cơ sở kinh tế sẵn có bằng những hình thức và bước đi thích hợp. Tuy nhiên, “chúng ta chưa xác định rõ ràng, nhất quán những quan điểm, chủ trương và chính sách chỉ đạo công cuộc cải tạo XHCN. Đã có những biểu hiện nóng vội muốn xoá bỏ ngay các thành phần kinh tế phi XHCN, nhanh chóng biến kinh tế tư bản tư nhân thành quốc doanh. Đối với kinh tế tiểu sản xuất hàng hoá, ít chú ý những đặc điểm về tính chất của từng ngành, từng nghề, để lựa chọn hình thức tổ chức thích hợp, có xu hướng muốn tổ chức ngay các hợp tác xã quy mô lớn, không tính đến khả năng trang bị kỹ thuật, trình độ quản lý và năng lực của cán bộ. Về nội dung cải tạo,

* ĐT: 84-4-37547506 (101)

E-mail: dungpv@vnu.edu.vn

thường nhấn mạnh việc thay đổi quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất mà không coi trọng giải quyết các vấn đề tổ chức quản lý và chế độ phân phối” [1].

Đảng CSVN còn đưa ra định hướng giải quyết quan hệ giữa thành phần kinh tế XHCN với các thành phần kinh tế khác. “Cùng có thành phần kinh tế XHCN bao gồm cả khu vực quốc doanh và khu vực tập thể một cách toàn diện, cả về chế độ sở hữu, chế độ quản lý, chế độ phân phối, làm cho thành phần kinh tế này giữ vai trò chi phối trong nền kinh tế quốc dân, thể hiện tính ưu việt về năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, thu nhập của người lao động và tích lũy cho sự nghiệp công nghiệp hoá. Bằng những biện pháp thích hợp, sử dụng mọi khả năng của các thành phần kinh tế khác trong sự liên kết chặt chẽ và dưới sự chỉ đạo của thành phần kinh tế XHCN” [1]. Đảng CSVN chủ trương: *cần có chính sách sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế khác*. Chính sách đó cho phép sử dụng nhiều hình thức kinh tế với quy mô và trình độ kỹ thuật thích hợp trong từng khâu của quá trình sản xuất và lưu thông nhằm khai thác mọi khả năng của các thành phần kinh tế liên kết với nhau, trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo. Đó là một giải pháp có ý nghĩa chiến lược, góp phần giải phóng và khai thác mọi nguồn lực để phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý. Giải pháp đó xuất phát từ thực tế của nước ta và là sự vận dụng quan điểm của Lênin coi “nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ” [1].

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (1991). Tiếp tục tư tưởng của Đại hội lần thứ VI, Đại hội lần thứ VII đưa ra quan điểm rõ ràng hơn về vai trò của nhà nước trong nền kinh tế nhiều thành phần. Cơ chế vận hành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN là cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước thông qua pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác.

Nhà nước quản lý nền kinh tế nhằm định hướng, dẫn dắt các thành phần kinh tế, tạo môi

trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh theo cơ chế thị trường, kiểm soát chặt chẽ và xử lý các vi phạm pháp luật trong hoạt động kinh tế, bảo đảm sự hài hoà giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội.

Khẩn trương sắp xếp lại và đổi mới quản lý kinh tế quốc doanh, bảo đảm kinh tế quốc doanh phát triển có hiệu quả, nắm vững những lĩnh vực và ngành then chốt để phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế. Tập trung lực lượng củng cố và phát triển những cơ sở kinh tế trọng điểm, những cơ sở làm ăn có hiệu quả và có ý nghĩa lớn đối với nền kinh tế quốc dân [2].

Tư tưởng của Đảng CSVN về các thành phần kinh tế được tiếp tục khẳng định và cụ thể hóa hơn nữa trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội (1991)*: Phát triển một nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN. Kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và mở rộng. Kinh tế cá thể còn có phạm vi tương đối lớn, từng bước đi vào con đường làm ăn hợp tác trên nguyên tắc tự nguyện, dân chủ và cùng có lợi. Tư bản tư nhân được kinh doanh trong những ngành có lợi cho quốc kế dân sinh do luật pháp quy định. Phát triển kinh tế tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức. Kinh tế gia đình được khuyến khích phát triển mạnh, nhưng không phải là một thành phần kinh tế độc lập. Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng. Các tổ chức kinh tế tự chủ và liên kết, hợp tác và cạnh tranh trong sản xuất và kinh doanh [2].

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII (1996). Sau một thời kỳ phát triển kinh tế nhiều thành phần, mặt trái của vấn đề đã bộc lộ. Đảng CSVN đã có định hướng khắc phục mặt trái đang tồn tại. Theo đó, “để phát triển sức sản xuất, cần phát huy khả năng của mọi thành phần kinh tế, thừa nhận trên thực tế còn có bóc lột và sự phân hoá giàu nghèo nhất định trong xã hội, nhưng phải luôn quan tâm bảo vệ lợi ích của người lao động, vừa khuyến khích làm giàu hợp pháp, chống làm giàu phi pháp, vừa coi trọng xoá đói,

giảm nghèo, từng bước thực hiện công bằng xã hội, tiến tới làm cho mọi người, mọi nhà đều khá giả” [3].

Khắc phục mặt trái của nền kinh tế nhiều thành phần còn được thực hiện bằng “Đổi mới căn bản tổ chức, quản lý và nâng cao hiệu quả khu vực doanh nghiệp nhà nước. Đổi mới và phát triển đa dạng các hình thức kinh tế hợp tác từ thấp đến cao, mà nòng cốt là các hợp tác xã. Phát triển các hình thức liên doanh, liên kết trực tiếp giữa các doanh nghiệp nhà nước với nhau, giữa kinh tế nhà nước với kinh tế hợp tác, kinh tế tư bản tư nhân, cá thể và các công ty nước ngoài” [3].

Trên cơ sở lý luận của Lênin về kinh tế nhiều thành phần và tình hình thực tiễn Việt Nam, Đảng CSVN khẳng định: “Thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần. Lấy việc giải phóng sức sản xuất, động viên tối đa mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nâng cao hiệu quả kinh tế và xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân làm mục tiêu hàng đầu trong việc khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế và hình thức tổ chức kinh doanh” [3].

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX (2001). Đảng CSVN khẳng định lại tư tưởng về nền kinh tế nhiều thành phần đã được nêu ra trong các Đại hội trước. “Trong thời kỳ quá độ, có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau, nhưng cơ cấu, tính chất, vị trí của các giai cấp trong xã hội ta đã thay đổi nhiều cùng với những biến đổi to lớn về kinh tế, xã hội” [4]. Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN; đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng XHCN⁽¹⁾. Đây là bước phát triển mới về lý luận kinh tế thị

trường, về sở hữu và các thành phần kinh tế trong quá trình xây dựng CNXH.

Đại hội lần thứ IX còn chỉ rõ con đường, cách thức xây dựng chế độ sở hữu công cộng (công hữu) về tư liệu sản xuất. Chế độ đó “... từng bước được xác lập và sẽ chiếm ưu thế tuyệt đối khi chủ nghĩa xã hội được xây dựng xong về cơ bản. Xây dựng chế độ đó là một quá trình phát triển kinh tế - xã hội lâu dài qua nhiều bước, nhiều hình thức từ thấp đến cao. Phải từ thực tiễn tìm tòi, thử nghiệm để xây dựng chế độ sở hữu công cộng nói riêng và quan hệ sản xuất mới nói chung với bước đi vững chắc. Tiêu chuẩn căn bản để đánh giá hiệu quả xây dựng quan hệ sản xuất theo định hướng XHCN là thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, thực hiện công bằng xã hội” [4].

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X(2006). Đại hội xác định nền kinh tế nước ta có 5 thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật, đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh.

Đồng thời, Đảng CSVN đã xác định vị trí và định hướng phát triển các thành phần kinh tế chủ yếu. Trong đó, “kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết nền kinh tế, tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy các thành phần kinh tế cùng phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế.

Doanh nghiệp cổ phần ngày càng phát triển, trở thành hình thức tổ chức kinh tế phổ biến, thúc đẩy xã hội hoá sản xuất kinh doanh và sở hữu. Xoá bỏ mọi sự phân biệt đối xử theo hình thức sở hữu; Nhà nước chỉ thực hiện sự ưu đãi

⁽¹⁾ S.d.d. tr.86.

hoặc hỗ trợ phát triển đối với một số ngành, lĩnh vực, sản phẩm; một số mục tiêu như xuất khẩu, tạo việc làm, xoá đói giảm nghèo, khắc phục rủi ro; một số địa bàn, các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thực hiện Chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp. Xây dựng một hệ thống doanh nghiệp Việt Nam nhiều về số lượng, có sức cạnh tranh cao, có thương hiệu uy tín, trong đó chủ lực là một số tập đoàn kinh tế lớn dựa trên hình thức cổ phần. Nhà nước định hướng, tạo môi trường để phát triển có hiệu quả các doanh nghiệp theo cơ chế thị trường; bồi dưỡng, đào tạo và tôn vinh các doanh nhân có tài, có đức và thành đạt.

Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Hoàn thiện cơ chế, chính sách để các doanh nghiệp nhà nước thực sự hoạt động trong môi trường cạnh tranh, công khai, minh bạch, nâng cao hiệu quả. Xoá bỏ độc quyền và đặc quyền sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Doanh nghiệp nhà nước có quyền tài sản, thực sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm trên thị trường và trước pháp luật” [5].

Như vậy, thông qua các kỳ đại hội, Đảng CSVN đã từng bước phát triển những quan điểm về sở hữu và các thành phần kinh tế. Có thể đưa ra một số đánh giá, nhận xét tổng quát sau:

Thứ nhất, quan điểm của Đảng CSVN về sở hữu và các thành phần kinh tế trong thời kỳ đổi mới là nhất quán, phù hợp với tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Sự đa dạng về sở hữu và các thành phần kinh tế đã làm cho quan hệ sản xuất phù hợp hơn với tính chất và trình độ phát triển lực lượng sản xuất ở nước ta. Đây là tiền đề quan trọng giải phóng sức sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân. Những quan điểm này cần được kế thừa và phát triển trong văn kiện các kỳ Đại hội Đảng tiếp theo.

Thứ hai, giữa nhận thức lý luận và các chính sách về sở hữu và các thành phần kinh tế đang có những khoảng cách nhất định. Định hướng quan trọng của Đảng CSVN trong xây

dựng chế độ sở hữu công cộng và thành phần kinh tế XHCN “là một quá trình phát triển kinh tế - xã hội lâu dài qua nhiều bước, nhiều hình thức từ thấp đến cao. Phải từ thực tiễn tìm tòi, thử nghiệm để xây dựng chế độ sở hữu công cộng nói riêng và quan hệ sản xuất mới nói chung với bước đi vững chắc” [4], đã không được tuân thủ đầy đủ. Vẫn còn những biểu hiện chủ quan, duy ý chí trong các chính sách đối với các thành phần kinh tế. Nhiều vấn đề của khu vực doanh nghiệp nhà nước hiện nay, sự phát triển không tương xứng với tiềm năng của kinh tế tư nhân... bắt nguồn từ lý do này.

Thứ ba, xây dựng chế độ sở hữu công cộng là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng nhưng cần lưu ý rằng, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân là mục tiêu dài hạn, dựa trên sự phát triển rất cao của lực lượng sản xuất. Do đó, qua từng giai đoạn cần xác định mục tiêu cụ thể hơn trong xây dựng kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể sao cho phù hợp với thực tế hơn và với trình độ phát triển khác nhau của lực lượng sản xuất. Điều đó sẽ thuận lợi hơn trong hoạt động chỉ đạo thực tiễn; tránh được những tranh luận không cần thiết hoặc hiểu nhầm.

2. Thực trạng các thành phần ở nước ta hiện nay

Nền kinh tế nhiều thành phần đã tác động tích cực đến giải phóng sức sản xuất, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Năm 2000, tổng nguồn vốn đầu tư cho nền kinh tế là 151.183 tỷ đồng thì đến năm 2009 đã tăng lên là 708.826 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn ngoài nhà nước tăng từ 34.594 tỷ đồng lên 240.109 tỷ đồng; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng từ 27.172 tỷ đồng lên 181.183 tỷ đồng [6]. Đây là điều kiện quan trọng để Việt Nam trở thành một trong các quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trên thế giới trong thời gian qua.

Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần đã tạo môi trường cạnh tranh - động lực của tăng trưởng;

thực hiện dân chủ hóa đời sống kinh tế, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, huy động sức mạnh tổng hợp để phát triển kinh tế - xã hội; là con

đường xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất cho phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất...

Bảng 1: Chỉ số phát triển tổng sản phẩm trong nước theo thành phần kinh tế theo giá so sánh 1994 (%)

	2005	2006	2007	2008	Sơ bộ Prel. 2009
TỔNG SỐ - TOTAL	108,44	108,23	108,46	106,31	105,32
PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ BY TYPES OF OWNERSHIP					
Kinh tế Nhà nước - State	107,37	106,17	105,91	104,36	103,99
Kinh tế ngoài Nhà nước - Non-State	108,21	108,44	109,37	107,47	106,52
Kinh tế tập thể - Collective	103,98	103,51	103,32	103,01	102,85
Kinh tế tư nhân - Private	114,01	114,85	115,73	110,97	109,43
Kinh tế cá thể - Household	107,49	107,56	108,58	107,16	106,19
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài Foreign investment sector	113,22	114,33	113,04	107,85	104,81

Nguồn: Niên giám thống kê hàng năm; Niên giám thống kê 2009, NXB. Thống kê, Hà Nội - 2010, tr.92.

Theo số liệu Bảng 1, thành phần kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài luôn đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn thành phần kinh tế nhà nước; đóng góp phần chủ yếu vào mức tăng trưởng của nền kinh tế.

Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần còn góp phần quan trọng trong tạo việc làm, đảm bảo thu nhập và đời sống cho người lao động. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước đã tạo ra phần lớn việc làm cho người lao động (xem Bảng 2).

Bảng 2: Cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại thời điểm 1/7 hàng năm phân theo thành phần kinh tế (%)

Năm	2000	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009
Tỷ lệ %	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Kinh tế nhà nước	9,31	9,95	9,88	11,6	11,2	11,0	10,9	10,5
Kinh tế ngoài NN	89,70	88,14	87,83	85,8	85,8	85,5	85,5	86,1
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	0,99	1,91	2,29	2,6	3,0	3,5	3,6	3,4

Nguồn: Niên giám thống kê hàng năm; Niên giám thống kê 2009, NXB. Thống kê, Hà Nội - 2010, tr.63.

Nhờ cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, các chính sách tạo việc làm, chính sách xoá đói giảm nghèo của nhà nước, Việt Nam đã đạt được thành tựu to lớn trong lĩnh vực này. Tỷ lệ nghèo đã giảm từ 37,4% năm 1998 xuống 28,9% năm 2002; 19,5% năm 2004; 16% năm 2006 và 14,5% năm 2008 [7].

Với mức chuẩn nghèo 200.000 đồng/người/tháng đối với vùng nông thôn và 260.000 đồng/người/tháng đối với thành thị thì tỷ lệ nghèo đói của Việt Nam trong năm 2009 là 12,1%, năm 2010 khoảng 10-11%⁽²⁾.

Việt Nam đã đạt những thành tựu rất quan trọng trong giải quyết các vấn đề xã hội⁽³⁾. Nhờ đó, Việt Nam không chỉ duy trì mức tăng trưởng kinh tế cao trong khu vực và trên thế giới, giữ vững ổn định về chính trị - xã hội mà còn ngày càng nâng cao vị thế của mình trên thế giới... Những thành tựu trong giải quyết các vấn đề xã hội biểu hiện tập trung ở các chỉ số phát triển con người của Việt Nam không ngừng được nâng lên.

Những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ta trong những năm qua gắn liền với sự chuyển dịch cơ cấu các thành phần kinh tế. Trong tổng sản phẩm quốc nội (GDP), xu hướng chung là tỷ trọng kinh tế Nhà nước, kinh tế tập thể giảm; trong khi đó tỷ trọng kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng lên. Trước năm 1990, kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài gần như chưa có gì, nhưng đến năm 2009 đã chiếm trong GDP tương ứng là 41,09 % và 18,33 %. Trong khi đó, tỷ trọng kinh tế nhà nước đã giảm từ 40,18 % năm 1995 xuống còn 35,13% năm 2009; kinh tế tập thể giảm tương ứng từ 10,06% xuống còn 5,45% (xem Bảng 3). Xu hướng này sẽ còn tiếp tục trong thời gian tới do Việt Nam thực hiện tự do hóa kinh tế, đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế; quá trình đổi mới doanh nghiệp nhà nước được đẩy mạnh hơn; do năng lực của khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được gia tăng sẽ tạo thành làn sóng mới cả về số vốn đăng ký mới, bổ sung vốn và số vốn thực hiện.

Bảng 3: Cơ cấu GDP theo thành phần kinh tế (%)

	1995	2000	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009
TỔNG SỐ	100.	100.	100.	100.	100.	100.	100.	100.	100.	100.
Kinh tế Nhà nước	40.18	38.52	38.38	39.08	39.10	38.40	37.39	35.93	35.54	35.13
Kinh tế ngoài Nhà nước	53.52	48.20	47.86	46.45	45.77	45.61	45.63	46.11	46.03	46.54
Kinh tế tập thể	10.06	8.58	7.99	7.49	7.09	6.81	6.53	6.21	5.66	5.45
Kinh tế TB tư nhân	7.44	7.31	8.30	8.23	8.49	8.89	9.41	10.18	10.50	11.02
Kinh tế cá thể	36.02	32.31	31.57	30.73	30.19	29.91	29.69	29.72	29.87	30.07
Kinh tế có vốn ĐTNN	6.30	13.28	13.76	14.47	15.13	15.99	16.98	17.96	18.43	18.33

Nguồn: Niên giám thống kê hàng năm; Niên giám thống kê 2009, NXB. Thống kê, Hà Nội - 2010, tr.88.

⁽²⁾ <http://www.kinhtenongthon.com.vn/Story/xahoi/2010/6/23564.html>, ngày 9/6/2010.

⁽³⁾ Năm 2009, diện tích ở bình quân đầu người của cả nước là 18,6m²; 87% số hộ sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh; 54% hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh; 96% hộ sử dụng điện lưới để thấp sáng; 87% hộ có tivi và 46% số hộ có điện thoại cố định. (<http://www.laodong.com.vn/Home/Tuoi-tho-binh-quan>, ngày 02/01/2010).

Như vậy, sự thay đổi về tỷ trọng đóng góp của các thành phần kinh tế trong GDP (trong đó kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể giảm xuống, kinh tế tư nhân và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng lên) đã song hành với những thành tựu kinh tế - xã hội mà đất nước ta đã đạt được. Điều đó xuất phát từ hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước còn thấp; việc sắp xếp, đổi mới còn chậm, chủ yếu mới là số doanh nghiệp quy mô nhỏ, mức vốn thấp; độc quyền nhà nước đã được biến thành độc quyền kinh doanh của nhiều tổng công ty nhà nước; quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp nhà nước còn nhiều sơ hở, thậm chí buông lỏng... Kinh tế tập thể về số lượng gần đây tăng lên nhưng tỷ trọng về nhiều chỉ tiêu chủ yếu còn thấp và giảm. Kinh tế tư nhân đăng ký nhiều về số lượng nhưng thực tế hoạt động còn ít; quy mô nhỏ bé; sức cạnh tranh quốc tế còn thấp. Trong nông nghiệp, sự phát triển của kinh tế hộ gia đình đã có dấu hiệu chững lại; việc tích trữ ruộng đất, vốn liếng của kinh tế trang trại khá hơn nhưng chưa có khả năng phát triển đột phá...

3. Một số kiến nghị

Thứ nhất, CNXH dựa trên chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất. Vì vậy, xuất hiện logic đơn giản là, xây dựng CNXH phải xây dựng chế độ sở hữu trên. Do đó, ở các nước XHCN trước đây, chế độ sở hữu công cộng đã được xây dựng bằng những nỗ lực chủ quan, bằng cả biện pháp hành chính. Theo tư tưởng của C. Mác và F. Anghen, quan hệ sản xuất, trước hết là quan hệ sở hữu phải phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Trong giai đoạn đầu của Chủ nghĩa tư bản (CNTB), chế độ sở hữu tư nhân Tư bản chủ nghĩa (TBCN) phù hợp với trình độ còn thấp kém của lực lượng sản xuất nên đã trở thành động lực cho sự phát triển của nền sản xuất. Theo đó, như C. Mác đã nói, chỉ trong vòng mấy trăm năm tồn tại của mình, CNTB đã tạo ra một khối lượng của cải nhiều gấp nhiều lần khối lượng của cải của các xã hội trước cộng

lại. Chỉ khi lực lượng sản xuất đã phát triển cao, xã hội hoá cao độ, chế độ sở hữu tư nhân TBCN mới trở nên lạc hậu, không đáp ứng được yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất và phải được thay thế bằng chế độ sở hữu công cộng.

Theo các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, chỉ đến Chủ nghĩa Xã hội và Chủ nghĩa Cộng sản, lực lượng sản xuất phát triển ở mức độ rất cao, chế độ sở hữu công cộng được thiết lập... mới có đủ điều kiện thỏa mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và tinh thần của con người; lúc ấy con người được phát triển tự do và toàn diện. Như vậy, chế độ sở hữu công cộng là động lực thúc đẩy sự phát triển, thật sự vì con người... phải dựa trên sự phát triển cao của lực lượng sản xuất.

Hiện nay, trình độ phát triển nền kinh tế nước ta còn thấp [8], chế độ sở hữu tư nhân còn phù hợp, là động lực phát triển sản xuất thì cũng có nghĩa là chế độ sở hữu công cộng chưa có đầy đủ cơ sở kinh tế để tồn tại và phát triển. Thực tiễn cho thấy, hiệu quả hoạt động của kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể thấp kém hơn so với kinh tế tư nhân. Do đó, việc xác định kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng⁽⁴⁾ chưa tương ứng với quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ phát triển lực lượng sản xuất và trên thực tế chúng cũng chưa thể thực hiện được vai trò đó.

Trong nền kinh tế thị trường hiện đại, kinh tế nhà nước là công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô nên sự tồn tại của nó là khách quan. Ở các nước phát triển, kinh tế nhà nước chỉ chiếm 10 - 15% GDP nhưng vẫn có thể thực hiện được sứ mệnh đó. Trong những năm qua, kinh tế nhà nước chưa thể giữ vai trò chủ đạo nhưng đất nước ta vẫn đạt được nhiều thành tựu to lớn trong việc thực hiện định hướng XHCN. Thuật ngữ “kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo” có thể gây hiểu nhầm trong chỉ đạo thực tiễn, gây bất bình đẳng

⁽⁴⁾ Đảng CSVN: Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XI của Đảng (tài liệu sử dụng tại Đại hội Đảng cấp huyện, cấp tỉnh và tương đương), tháng 4 - 2010, tr.9.

giữa các thành phần kinh tế. Sự ưu tiên cho kinh tế nhà nước đã làm méo mó các quan hệ thị trường, làm cho thị trường hoạt động kém hiệu quả, việc thực hiện định hướng XHCN gặp nhiều khó khăn. Luận điểm này chưa phù hợp với thực tế hiện nay, gây phản cảm và gây khó khăn cho việc chỉ đạo các hoạt động thực tiễn. Từ nay đến năm 2020, nên đặt mục tiêu: *xây dựng kinh tế nhà nước trở thành công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô thật sự hiệu quả*. Từ năm 2020 trở đi, khi Việt Nam đã cơ bản trở thành nước công nghiệp, lực lượng sản xuất đã được xã hội hóa tương đối cao mới đặt mục tiêu phấn đấu: *Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân*.

Thứ hai, trên phương diện lý luận, quan hệ giữa sở hữu với tổ chức quản lý và phân phối luôn được chú ý. Tuy nhiên, trong thực tế, vấn đề phân phối và đặc biệt là vấn đề tổ chức quản lý đã không được chú ý đúng mức. Thực tế cho thấy, sự kém hiệu quả, thất thoát tài sản ở nhiều doanh nghiệp nhà nước không phải do sở hữu, mà do tổ chức quản lý. Những khuyết điểm trong tổ chức quản lý và phân phối có thể làm lung lay, thậm chí rung chuyển cả chế độ sở hữu. Bởi vậy, đổi mới tổ chức quản lý doanh nghiệp nhà nước phải được coi là trọng tâm của đổi mới doanh nghiệp nhà nước ở nước ta trong những năm tới.

Trong điều kiện Việt Nam hiện nay, nhà nước vừa có chức năng quản lý vĩ mô, vừa có chức năng quản lý các doanh nghiệp nhà nước (với tư cách chủ sở hữu). Nếu nhà nước giao toàn quyền quản lý, sử dụng vốn trong các doanh nghiệp nhà nước cho các cá nhân, cũng đồng nghĩa với việc từ bỏ quyền sở hữu của mình và tất yếu sẽ dẫn đến tình trạng lãng phí, thất thoát tài sản. Về nguyên tắc, các doanh nghiệp nhà nước không thể được tự chủ như doanh nghiệp tư nhân và để đảm bảo hiệu quả, khu vực doanh nghiệp nhà nước không nên có quy mô quá lớn.

Việc nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước đòi hỏi nhà nước phải

mở rộng quyền tự chủ cho các doanh nghiệp này nhưng điều này hoàn toàn không đồng nghĩa với buông lỏng quản lý. Ngược lại, với tư cách chủ sở hữu, nhà nước phải đặc biệt coi trọng kiểm tra, kiểm soát các doanh nghiệp của mình. Quy mô của khu vực doanh nghiệp nhà nước càng lớn, việc kiểm tra, kiểm soát sẽ càng khó khăn. Vì vậy, việc phân cấp quản lý các doanh nghiệp nhà nước, từ chính phủ, các bộ ngành đến các địa phương là rất cần thiết. Các cá nhân, các cơ quan chức năng được phân cấp quản lý phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động của mình.

Thứ ba, trong điều kiện Việt Nam hiện nay, cần xem xét việc phân chia các thành phần kinh tế. Căn cứ vào chế độ sở hữu, nền kinh tế sẽ có 2 thành phần: kinh tế nhà nước và kinh tế tư nhân. Hiện nay, kinh tế tập thể ở nước ta chủ yếu dựa trên sự liên kết tự nguyện của các hộ gia đình nên về bản chất là kinh tế tư nhân. Đồng thời, vai trò của kinh tế tập thể cũng rất nhỏ bé: giảm từ 10,06% GDP năm 1995 xuống còn 5,45% GDP năm 2009. Do đó, trong những năm trước mắt không nên coi kinh tế tập thể là thành phần kinh tế. Khi lực lượng sản xuất phát triển cao hơn, hình thức sở hữu tập thể và kinh tế tập thể có vai trò lớn hơn chúng ta sẽ xem xét lại điều này.

Thành phần kinh tế tư bản nhà nước cũng cần được xem xét lại. Những doanh nghiệp liên doanh mà nhà nước có từ 51% vốn trở lên cần đưa vào thành phần kinh tế nhà nước vì nhà nước có thể chi phối được. Những doanh nghiệp liên doanh có vốn nước ngoài chiếm từ 51% trở lên cần đưa vào thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài vì các nhà đầu tư nước ngoài mới là người chi phối. Như vậy, nền kinh tế Việt Nam sẽ có 3 thành phần: *kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài*. Điều này cũng phù hợp với phân chia các thành phần kinh tế ở các nước đang phát triển hiện nay.

Cuối cùng là nền kinh tế nhiều thành phần đòi hỏi nhà nước phải có sự can thiệp, điều tiết phù hợp. Nếu sự can thiệp của nhà nước quá

mức hoặc không đủ mức cần thiết đều ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của từng thành phần kinh tế và toàn bộ nền kinh tế. Để phát huy vai trò của các thành phần kinh tế, nhà nước chỉ nên can thiệp nhằm khắc phục các khuyết tật của kinh tế thị trường; hạn chế mặt trái của cạnh tranh, tương tác giữa các thành phần kinh tế; điều hòa mâu thuẫn lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội; khắc phục mặt trái của quá trình hội nhập quốc tế, bảo vệ lợi ích của đất nước, của doanh nghiệp và người dân...

Để điều tiết nền kinh tế nhiều thành phần một cách hiệu quả, bản thân nhà nước phải thay đổi. Nhà nước không đứng trên, đứng ngoài mà phải tương thích với nền kinh tế có nhiều thành phần. Nói cách khác, nền kinh tế nhiều thành phần đòi hỏi nhà nước phải thật sự của dân, vì dân.

Nhà nước nói chung có những khuyết tật có thể dẫn tới sự thất bại trong hoạt động điều tiết kinh tế. Những nguyên nhân chính là: i) Bộ máy nhà nước có khả năng bị chi phối bởi các nhóm lợi ích và trở thành nhà nước trực lợi và tham nhũng. ii) Là bộ máy quyền lực của xã hội, nhà nước có khả năng lạm quyền và đi chệch khỏi bản chất công quyền của mình, chuyển thành bộ máy quyền lực đứng trên xã hội. iii) Chủ nghĩa tập thể là một thuộc tính vốn có của nhà nước và đi liền với nó là tính trách nhiệm thấp, tính năng động và hiệu lực của bộ máy quản lý thấp. iv) Trong điều kiện các nước chậm phát triển, nhà nước mang đậm dấu ấn của

chế độ chuyên chế, mất dân chủ. Bởi vậy, xây dựng nhà nước của dân, vì dân cần phải tính đến và khắc phục được những khuyết tật đó.

Với những kinh nghiệm tích lũy được trong những năm qua, với sự nỗ lực hơn nữa của toàn Đảng, toàn dân, nhất định chúng ta sẽ giải quyết vấn đề sở hữu và các thành phần kinh tế phù hợp các quy luật kinh tế khách quan và điều kiện cụ thể của Việt Nam, xây dựng thành công CNXH.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng CSVN, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn tập*, tập 47, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.
- [2] Đảng CSVN, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn tập*, tập 51, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007.
- [3] Đảng CSVN, *Văn kiện Đại hội lần thứ VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.
- [4] Đảng CSVN, *Văn kiện Đại hội lần thứ IX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
- [5] Đảng CSVN, *Văn kiện Đại hội lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.
- [6] *Niên giám thống kê 2009*, NXB Thống kê, Hà Nội, 2010.
- [7] Tổng cục Thống kê, *Kết quả khảo sát mức sống gia đình năm 2008*, NXB Thống kê, Hà Nội, 2010.
- [8] Văn kiện Đại hội lần thứ X xác định phần đầu đến năm 2010: “Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”, *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005.

Economic sectors: Theories and practices in Vietnam

Assoc.Prof.Dr. Pham Van Dung

*Faculty of Political Economy, University of Economics and Business,
Vietnam National University, Hanoi, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Abstract: The article discussed the ownership diversity and the development of multi-sector economy which is considered a creative application of Lenin's thoughts in the transitional period to socialism in the conditions of Vietnam. The application contributed greatly to the economic and social achievements that Vietnam has gained for recent years. The author commented on the development of Vietnam Communist Party's perspectives related to ownership, economic sectors, and the implementation of those perspectives and proposed recommendations : developing a public ownership mechanism to be in line with Vietnam's conditions nowadays; management of state owned businesses; arrangement and division of economic sectors; building the State to satisfy requirements of a multi sector economy.